

I. Trắc nghiệm:(5 điểm)

Câu 1: Trước khi tạo mẫu hỏi để giải quyết các bài toán liên quan tới nhiều bảng, thì ta phải thực hiện thao tác nào?

- A. Thực hiện gộp nhóm
- B. Liên kết giữa các bảng
- C. Chọn các trường muốn hiển thị ở hàng show
- D. Nhập các điều kiện vào lưới QBE

Câu 2: Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:

- A. Mô hình cơ sở quan hệ
- B. Mô hình hướng đối tượng
- C. Mô hình phân cấp
- D. Mô hình dữ liệu quan hệ

Câu 3: Mọi thao tác như xem, tạo, sửa, xóa liên kết đều được thực hiện trong cửa sổ nào sau đây?

- A. Show Table
- B. Form Wizard
- C. Relationship
- D. Design View

Câu 4: Hai chế độ thường dùng để làm việc với mẫu hỏi là:

- A. Chế độ thiết kế, chế độ trang dữ liệu
- B. Chế độ trang dữ liệu, chế độ mẫu hỏi
- C. Chế độ mẫu hỏi, chế độ biểu mẫu
- D. Chế độ biểu mẫu, chế độ thiết kế

Câu 5: Trong CSDL QuanLi_HS, để tìm các học sinh nữ có địa chỉ ở Hà Nội, ta sử dụng biểu thức lọc nào sau đây?

- A. [GT]= “Nữ” OR [DiaChi] = “Hà Nội”
- B. GT= [Nữ] AND DiaChi = [Hà Nội]
- C. GT: “Nữ” NOT DiaChi = “ Hà Nội ”
- D. [GT]= “Nữ” AND [DiaChi] = “Hà Nội”

Câu 6: Hãy chọn phương án ghép đúng nhất. Với báo cáo, ta không thể làm được việc gì trong những việc sau?

- A. Chọn trường đưa vào báo cáo
- B. Lọc những bản ghi thỏa mãn một điều kiện nào đó
- C. Gộp nhóm dữ liệu
- D. Thay đổi kích thước các trường trong báo cáo

Câu 7: Thuật ngữ “bộ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào sau đây?

- A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính
- B. Bảng
- C. Hàng
- D. Cột

Câu 8: Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật, ta cần:

- A. Thường xuyên sao chép dữ liệu
- B. Thường xuyên thay đổi các yếu tố của hệ thống bảo vệ
- C. Thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm
- D. Giảm số lần đăng nhập vào hệ thống

CÂU 9: Trong quá trình tạo cấu trúc của một bảng, khi tạo một trường, việc nào sau đây không nhất thiết phải thực hiện?

- A. Đặt kích thước
- B. Mô tả nội dung
- C. Đặt tên, các tên của các trường cần phân biệt
- D. Chọn kiểu dữ liệu

Câu 10: Các yếu tố của hệ thống bảo vệ có thể thay đổi trong quá trình khai thác hệ CSDL gọi là:

- A. Các tham số bảo vệ
- B. Biên bản hệ thống
- C. Bảng phân quyền truy cập
- D. Mã hóa thông tin

II. Tự luận:(5 điểm)

Bài 1.(1 điểm) Hãy cho biết sự khác nhau giữa chế độ biểu mẫu và chế độ thiết kế của biểu mẫu?

Bài 2.(1 điểm) Mẫu hỏi là gì? Nêu các ứng dụng của mẫu hỏi?

Bài 3.(3 điểm) Hãy cho biết đối tượng cần quản lý và thông tin cần lưu trữ trong bài toán quản lý thư viện? Khi nào thông tin trong CSDL nói trên cần được cập nhật và cập nhật những gì?

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm:(5 điểm)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
D	A	C	A	D
Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
B	C	B	B	A

II. Tự luận:(5 điểm)

Bà i		Điểm
1	Biểu mẫu: Thường có giao diện thân thiện và thường được sử dụng để cập nhật dữ liệu. Việc cập nhật dữ liệu trong biểu mẫu thực chất là cập nhật dữ liệu trên bảng dữ liệu nguồn.	0.5

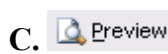
	Chế độ thiết kết biểu mẫu: Ta có thể thiết kế mới, xem hay sửa đổi thiết kế cũ của biểu mẫu. Thường sử dụng để thêm/bớt, thay đổi vị trí của các trường dữ liệu. Định dạng phong chữ cho các trường dữ liệu và các tiêu đề. Tạo các nút lệnh (đóng biểu mẫu, chuyển đến bản ghi đầu,...) để người dùng thao tác với dữ liệu thuận tiện hơn.	0.5
2	Mẫu hỏi: là một đối tượng trong Access để trả lời những câu hỏi truy vấn phức tạp, liên quan đến nhiều bảng (VD: ai có điểm toán cao nhất ?) mà sử dụng thao tác tìm kiếm và lọc thì khó có thể tìm được câu trả lời.	0.5
	Các ứng dụng của mẫu hỏi: - Sắp xếp các bản ghi. - Chọn các bản ghi thỏa mãn các điều kiện cho trước. - Chọn các trường để hiển thị. - Thực hiện tính toán như tính trung bình cộng, tính tổng, đếm bản ghi,... - Tổng hợp và hiển thị thông tin từ nhiều bảng và mẫu hỏi khác.	0.5
3	Đối tượng cần quản lý trong bài toán quản lý thư viện là: - Sách, bạn đọc, quá trình mượn sách của bạn đọc.	0.5
	Thông tin cần lưu trữ: - Sách: Mã sách, tên sách, tác giả, số lượng, tên nhà xuất bản,... - Bạn đọc: Mã bạn đọc, tên bạn đọc, ngày sinh, địa chỉ,... - Quản lý mượn: Mã bạn đọc, mã sách, số lượng mượn, ngày mượn, ngày trả.	mỗi ý đúng được 0.5 điểm
	Thông tin trong cơ sở dữ liệu nói trên cần được cập nhật khi: - Thay đổi thông tin bạn đọc: Thông tin thay đổi có thể bao gồm địa chỉ, số điện thoại,... - Thay đổi thông tin sách: Thông tin thay đổi bao gồm các thuộc tính của sách. - Thêm bạn đọc mới: Thông tin cần cập nhật thêm bao gồm mã bạn đọc, tên bạn đọc,... - Thêm sách mới: Thông tin cần cập nhật thêm bao gồm mã sách, tên sách, tác giả,... - Thêm sửa thông tin về mượn sách của bạn đọc: Thay đổi ngày mượn, ngày trả hoặc có thể là thêm mới một bản ghi mượn sách. - Xóa thông tin về bạn đọc, sách.	

Câu 1: Đặc điểm của Báo cáo là:

- A.** Được thiết kế để định dạng, tính toán tổng hợp các dữ liệu được chọn và in ra.
B. Dùng để tìm kiếm, sắp xếp và kết xuất dữ liệu.
C. Giúp việc nhập hoặc hiển thị thông tin một cách thuận tiện.

D. Dùng để lưu dữ liệu.

Câu 2: Khi muốn sửa đổi thiết kế báo cáo, ta chọn báo cáo rồi nhấn nút:



Câu 3: Trong khi sửa đổi thiết kế Báo cáo ta không thể làm việc gì?

A. Thay đổi kiểu dữ liệu của trường

B. Thay đổi kích thước trường

C. Di chuyển các trường

D. Thay đổi nội dung các tiêu đề

Câu 4: Muốn sử dụng phong chữ tiếng Việt trong báo cáo, cần:

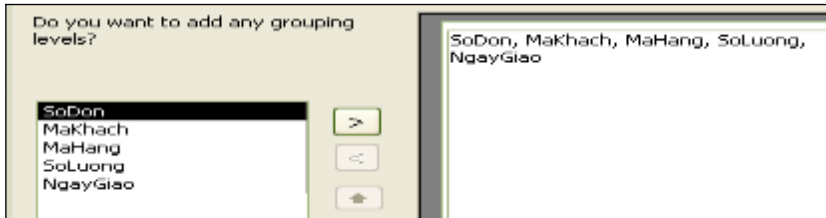
A. Hiện thị báo cáo ở chế độ thiết kế

B. Hiện thị báo cáo ở chế độ xem trước khi in

C. Hiện thị báo cáo ở chế độ trang dữ liệu

D. Hiện thị báo cáo ở chế độ biểu mẫu

Câu 5: Cho biết hình ảnh sau đây là bước nào khi tạo báo cáo:



A. Chọn trường gộp nhóm

B. Chọn trường sắp xếp

C. Chọn nguồn dữ liệu cho báo cáo

D. Chọn trường tổng hợp

Câu 6: Sắp xếp các bước đúng để thiết kế báo cáo bằng thuật sĩ:

1. Xây dựng nguồn dữ liệu cho Report: sắp xếp, thống kê, tính toán ...

2. Chọn trường để gộp nhóm trong báo cáo.

3. Chọn cách bố trí và kiểu trình bày báo cáo.

4. Chọn các thông tin đưa vào cửa sổ thiết kế báo cáo: bảng/mẫu hỏi; chọn trường ...

5. Chọn Create report by using wizard

6. Đặt tên cho báo cáo. Nháy Finish để kết thúc việc tạo báo cáo.

A. 5 4 2 1 3 6

B. 5 2 3 4 1 6

C. 5 4 3 2 1 6

D. 5 1 4 2 3 6

Câu 7: Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:

A. Mô hình dữ liệu quan hệ

B. Mô hình phân cấp

C. Mô hình hướng đối tượng

D. Mô hình cơ sở quan hệ

Câu 8: “có thể cập nhật dữ liệu như thêm, xóa hay sửa bản ghi trong một bảng” có trong nội dung đặc trưng nào của mô hình dữ liệu quan hệ?

A. Về mặt thao tác trên dữ liệu

B. Về mặt ràng buộc dữ liệu

C. Về mặt cấu trúc

D. Về mặt đặc biệt nào đó

Câu 9: Cơ sở dữ liệu quan hệ là gì?

A. CSDL được xây dựng trên mô hình quan hệ

B. CSDL được xây dựng trên mô hình dữ liệu khái quát

C. Mô hình dữ liệu quan hệ

D. CSDL chứa dữ liệu có nhiều bảng liên kết nhau

Câu 10: Thuật ngữ “bộ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Hàng

B. Bảng

C. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

D. Cột

Câu 11: Hãy chọn phát biểu đúng khi nói về liên kết?

A. Liên kết giữa các bảng được xác lập dựa trên thuộc tính khóa

B. Các bảng chỉ liên kết được trên khóa chính của mỗi bảng

C. Các bảng chỉ liên kết được trên các thuộc tính có tên giống nhau

D. Liên kết giữa các bảng được xác lập dựa trên các bộ trong bảng

Câu 12: Giả sử một quan hệ đã có dữ liệu, thao tác chỉnh sửa cấu trúc nào dưới đây không làm thay đổi dữ liệu của quan hệ?

A. Thu hẹp kích thước của thuộc tính

B. Thêm vào quan hệ một số thuộc tính

C. Thay đổi kiểu dữ liệu của thuộc tính

D. Xóa một số thuộc tính

Câu 13: Cho bảng như sau:

STT	Họ và Tên	Lớp	Trường
1	Nguyễn Mạnh Dũng	10A1	THPT Chuyên

2	Nguyễn Hoài Anh	10A1	THPT Bình Thủy
3	Lê Thành Công	10A2	THPT Chuyên
3	Nguyễn Mạnh Dũng	10A1	THPT Chuyên

Bảng trên không phải là một quan hệ vì vi phạm tính chất nào sau đây?

- A. Có hai dòng giống nhau hoàn toàn
B. Có thuộc tính phức hợp
C. Có thuộc tính đa trị
D. Có thuộc tính đa trị và phức hợp

Câu 14: Khẳng định nào là sai khi nói về khoá chính trong bảng:

- A. Khi nhập dữ liệu cho bảng, dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống.
B. Trong một bảng chỉ có một trường làm khoá chính.
C. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng.
D. Nếu ta quên chỉ định khoá chính thì Hệ QTCSDL sẽ tự chỉ định khoá chính cho bảng.

Câu 15: Giả sử một bảng có các trường SOBH (Số hiệu bảo hiểm) và HOTEN (Họ tên) thì chọn trường SOBH làm khoá chính vì :

- A. Không thể có hai bản ghi có cùng số hiệu bảo hiểm, trong khi đó có thể trùng họ tên.
B. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải kiểu số.
C. Trường SOBH là trường ngắn hơn.
D. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN

Câu 16: Khóa chính của bảng DANH_PHACH là?

STT	SBD	Phách
1	HS1	S1
2	HS2	S2
3	HS3	S3
4	HS1	S4

- A. SBD hoặc Phách
B. Phách
C. SBD
D. STT

Câu 17: Xét bảng đăng kí học ngoại ngữ:

Họ và tên	Lớp ngoại khóa
Trần Văn Hay	Anh văn - nâng cao
Phạm Văn Trung	Anh văn - đọc, viết
Lê Quý	Pháp văn - đọc, nghe, viết
Hồ Ngọc Nga	Nhật, Trung - nâng cao

Cột “Lớp ngoại khóa” có tính chất nào sau đây?

- A. Đa trị và phức hợp.
B. Phức hợp.
C. Đa trị.
D. Không có tính chất nào.

Câu 18: Cho các bảng sau:

- **DanhMucSach**(MaSach, TenSach, MaLoai)
- **LoaiSach**(MaLoai, LoaiSach)
- **HoaDon**(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết **loại của một quyển sách** thì cần những bảng nào ?

- A. DanhMucSach, LoaiSach
B. DanhMucSach, HoaDon
C. DanhMucSach
D. HoaDon, LoaiSach

Câu 19: Công việc nào không thuộc thao tác tạo lập CSDLQH?

- A. Truy vấn CSDL
B. Chọn khóa chính cho quan hệ
C. Tạo quan hệ
D. Đặt tên cho quan hệ và lưu cấu trúc quan hệ

Câu 20: Công việc nào sau đây không phải là thao tác cập nhật dữ liệu?

- A. Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng
B. Sửa những dữ liệu chưa phù hợp
C. Thêm bản ghi
D. Nhập dữ liệu ban đầu

Câu 21: Công việc nào không thuộc thao tác khai thác CSDLQH?

- A. Tạo liên kết giữa các quan hệ
B. Truy vấn CSDLQH
C. Sắp xếp các bộ
D. Kết xuất báo cáo

Câu 22: Khai báo cấu trúc cho một bảng KHÔNG bao gồm công việc nào?

- A. Nhập dữ liệu cho bảng
B. Đặt tên trường
C. Khai báo kích thước của trường
D. Chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường

Câu 23: Khi muốn thiết lập quan hệ (Relationship) giữa hai bảng thì mỗi bảng phải?

- A. Có chung ít nhất một trường
B. Có ít nhất ba trường
C. Có ít nhất một mẫu tin
D. Có chung ít nhất hai trường

Câu 24: Khi tạo bảng ta không cần làm điều gì?

- A. Xác định số lượng bản ghi của bảng
B. Đặt tên các trường
C. Khai báo kích thước của trường
D. Chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường

Câu 25: Chọn phát biểu đúng về khai thác CSDL

- A. Các bản ghi có thể được sắp xếp theo nội dung của một hay nhiều trường
B. Truy vấn là một phát biểu thể hiện yêu cầu của người quản trị CSDL
C. Dễ dàng xem toàn bộ bảng có nhiều trường
D. Báo cáo không thể dùng để in theo khuôn mẫu định sẵn

Câu 26: Trong CSDL, tên một học sinh trong trường "Họ Tên" được chỉnh sửa từ "Quan" thành "Quang". Kích thước của CSDL này thay đổi thế nào khi lưu trữ?

- A. Tăng 1 byte
B. Tăng 2 byte
C. Không thay đổi
D. Giảm 1 byte.

Câu 27: Trường hợp nào sau đây cần thêm ít nhất một bộ (record) trong CSDL quản lý sinh viên?

- A. Có một khoa mới thành lập.
B. Có một giảng đường mới đưa vào sử dụng.
C. Một giảng viên nghỉ hưu.
D. Một sinh viên mới lập gia đình.

Câu 28: Quan sát lưới thiết kế sau và cho biết điều kiện lọc dữ liệu của mẫu hỏi:

Field:	MaSV	Quan	GioiTinh
Table:	SinhVien	SinhVien	SinhVien
Total:	Count	Group By	Group By
Sort:			
Show:	☒	☒	☒
Criteria:		"Q3"	"Nam"
or:			

- A. Lọc ra những sinh viên nam ở Q3.
B. Lọc ra những sinh viên ở Q3.
C. Tính tổng số sinh viên nam ở Q3.
D. Tính tổng số sinh viên ở Q3.

Câu 29: Quan sát lưới thiết kế sau và cho biết điều kiện lọc dữ liệu của mẫu hỏi:

Field:	MAHS	HODEM	TEN	M
Table:	DIEMSO	HOC SINH	HOC SINH	DI
Sort:				
Show:	☒	☒	☒	
Criteria:		Like "LÊ*"		"A"
or:				

- A. Lọc ra những sinh viên có họ "LÊ" ở khoa AV.
B. Lọc ra những sinh viên có tên "LÊ" ở khoa AV.
C. Lọc ra những sinh viên không phải họ "LÊ" ở khoa AV.
D. Tính tổng số sinh viên ở khoa AV.

Câu 30: Để tăng đơn giá cho bảng MAT_HANG lên 10%, dòng lệnh nào được chọn để thực thi:

Field:	SO DON	TEN MH	DON GIA
Table:	HOA DON	MAT HANG	MAT HANG
Sort:			
Show:	☒	☒	☒
Criteria:			
or:			

- A. 1.1*[DON_GIA]
B. 0.1*DON_GIA
C. 10/100*[DON_GIA]
D. 1.1*DON_GIA

Câu 31: Khi mở một báo cáo, nó được hiển thị dưới dạng nào?

- A. Chế độ thiết kế
B. Chế độ trang dữ liệu
C. Chế độ biểu mẫu
D. Chế độ xem trước

Câu 32: Chọn phát biểu sai trong các phát biểu sau?

- A. Có thể định dạng kiểu chữ, cỡ chữ cho các tiêu đề và dữ liệu trong báo cáo
B. Lưu báo cáo để sử dụng nhiều lần
C. Báo cáo tạo bằng thuật sĩ đạt yêu cầu về hình thức
D. Có thể chèn hình ảnh cho báo cáo thêm sinh động

Câu 33: Với báo cáo, ta *không* thể làm được việc gì trong những việc sau đây?

- A. Chọn trường đưa vào báo cáo B. Lọc những bản ghi thỏa mãn một điều kiện nào đó
C. Gộp nhóm dữ liệu D. Bố trí báo cáo và chọn kiểu trình bày

Câu 34: Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường : STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi. Ta chọn khoá chính là :

- A. STT B. Số báo danh C. Phòng thi D. Họ tên học sinh

Câu 35: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số báo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì :

- A. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất
B. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số
C. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN
D. Trường SOBH là trường ngắn hơn

Câu 36: Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có một mã số (Mahs)

Mahs	HoTen	Ngaysinh	Lop	Diachi	Toan	Li	Hoa
0001	Tran Van Thanh	1 - 2 - 1990	12A	Nội trú	10	9	8
0002	Tran Van Thanh	1 - 2 - 1990	12A	20 Lê Lợi	9	10	5
0003	Tran Van Thanh	1 - 2 - 1990	12B	Nội trú	7	7	7

Khoá chính của bảng là:

- A. Khoá chính = {Mahs}
B. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}
C. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}
D. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}

Câu 37: Khi xác nhận các tiêu chí truy vấn thì hệ QTCSDL sẽ *không* thực hiện công việc:

- A. Xóa vĩnh viễn một số bản ghi không thỏa mãn điều kiện trong CSDL
B. Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng để kết xuất dữ liệu.
C. Liệt kê tập con các bản ghi thỏa mãn điều kiện
D. Định vị các bản ghi thỏa mãn điều kiện

Câu 38: Chức năng chính của biểu mẫu (Form) là:

- A. Tạo báo cáo thống kê số liệu B. Hiển thị và cập nhật dữ liệu
C. Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh D. Tạo truy vấn lọc dữ liệu

Câu 39: Câu nào sau đây *sai*?

- A. Không thể tạo ra chế độ xem dữ liệu đơn giản
B. Có thể dùng công cụ lọc dữ liệu để xem một tập con các bản ghi hoặc một số trường trong một bảng
C. Các hệ quản trị CSDL quan hệ cho phép tạo ra các biểu mẫu để xem các bản ghi
D. Có thể xem toàn bộ dữ liệu của bảng

Câu 40: Truy vấn cơ sở dữ liệu là gì?

- A. Là một đối tượng có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ
B. Là một dạng bộ lọc
C. Là một dạng bộ lọc; có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ
D. Là yêu cầu máy thực hiện lệnh gì đó

Câu 1: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là :

- A. Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu B. Tạo ra một hay nhiều báo cáo
C. Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi D. Tạo ra một hay nhiều bảng

Câu 2: Thao tác khai báo cấu trúc bảng bao gồm :

- A. Khai báo kích thước của trường
 C. Đặt tên các trường và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường
 B. Tạo liên kết giữa các bảng
 D. Câu A và C đúng

Câu 3: Thao tác nào sau đây không thuộc loại tạo lập CSDL quan hệ?

- A. Tạo cấu trúc bảng
 C. Đặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng
 B. Chọn khoá chính
 D. Nhập dữ liệu ban đầu

Câu 4: Trong quá trình tạo cấu trúc của một bảng, khi tạo một trường, việc nào sau đây không nhất thiết phải thực hiện?

- A. Đặt tên, các tên của các trường cần phân biệt
 C. Đặt kích thước
 B. Chọn kiểu dữ liệu
 D. Mô tả nội dung

Câu 5: Cho các thao tác sau :

B1: Tạo bảng

B2: Đặt tên và lưu cấu trúc

B3: Chọn khóa chính cho bảng

B4: Tạo liên kết

Khi tạo lập CSDL quan hệ ta thực hiện lần lượt các bước sau:

- A. B1-B3-B4-B2
 B. B2-B1-B2-B4
 C. B1-B3-B2-B4
 D. B1-B2-B3-B4

Câu 6: Thao tác nào sau đây không phải là thao tác cập nhật dữ liệu?

- A. Nhập dữ liệu ban đầu
 C. Thêm bản ghi
 B. Sửa những dữ liệu chưa phù hợp
 D. Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng

Câu 7: Chỉnh sửa dữ liệu là:

- A. Xoá một số quan hệ
 C. Thay đổi các giá trị của một vài thuộc tính của một bộ
 B. Xoá giá trị của một vài thuộc tính của một bộ
 D. Xoá một số thuộc tính

Câu 8: Xoá bản ghi là :

- A. Xoá một hoặc một số quan hệ
 C. Xoá một hoặc một số bộ của bảng
 B. Xoá một hoặc một số cơ sở dữ liệu
 D. Xoá một hoặc một số thuộc tính của bảng

Câu 9: Thao tác nào sau đây không là khai thác CSDL quan hệ?

- A. Sắp xếp các bản ghi
 C. Kết xuất báo cáo
 B. Thêm bản ghi mới
 D. Xem dữ liệu

Câu 10: Khai thác CSDL quan hệ có thể là:

- A. Tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết
 C. Thêm, sửa, xóa bản ghi
 B. Đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường
 D. Sắp xếp, truy vấn, xem dữ liệu, kết xuất báo cáo

Câu 11: Sau khi tạo cấu trúc cho bảng thì:

- A. Không thể sửa lại cấu trúc
 B. Phải nhập dữ liệu ngay
 C. Có thể lưu lại cấu trúc và nhập dữ liệu sau
 D. Khi tạo cấu trúc cho bảng xong thì phải cập nhật dữ liệu vì cấu trúc của bảng không thể sửa đổi

Câu 12: Hai bảng trong một CSDL quan hệ được liên kết với nhau bởi các khóa. Điều khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Các khóa liên kết phải là khóa chính của mỗi bảng
 B. Trong các khóa liên kết phải có ít nhất một khóa là khóa chính ở một bảng nào đó
 C. Trong các khóa liên kết có thể không có khóa chính nào tham gia
 D. Tất cả đều đúng

Câu 13: Tìm phương án sai. Thao tác sắp xếp bản ghi:

- A. Chỉ thực hiện sắp xếp trên một trường
 B. Có thể thực hiện sắp xếp trên một vài trường với mức ưu tiên khác nhau
 C. Không làm thay đổi vị trí lưu các bản ghi trên đĩa
 D. Để tổ chức lưu trữ dữ liệu hợp lý hơn

Câu 14: Truy vấn cơ sở dữ liệu là gì?

- A. Là một đối tượng có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ
 B. Là một dạng bộ lọc
 C. Là một dạng bộ lọc; có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ
 D. Là yêu cầu máy thực hiện lệnh gì đó

Câu 15: Khi xác nhận các tiêu chí truy vấn thì hệ QTCSDL sẽ không thực hiện công việc:

- A. Xoá vĩnh viễn một số bản ghi không thoả mãn điều kiện trong CSDL

B. Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng để kết xuất dữ liệu.

C. Liệt kê tập con các bản ghi thỏa mãn điều kiện

D. Định vị các bản ghi thỏa mãn điều kiện

Câu 16: Câu nào sau đây sai?

A. Không thể tạo ra chế độ xem dữ liệu đơn giản

B. Có thể dùng công cụ lọc dữ liệu để xem một tập con các bản ghi hoặc một số trường trong một bảng

C. Các hệ quản trị CSDL quan hệ cho phép tạo ra các biểu mẫu để xem các bản ghi

D. Có thể xem toàn bộ dữ liệu của bảng

Câu 17: Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:

A. Mô hình phân cấp

B. Mô hình dữ liệu quan hệ

C. Mô hình hướng đối tượng

D. Mô hình cơ sở quan hệ

Câu 18: Mô hình dữ liệu quan hệ được E. F. Codd đề xuất năm nào?

A. 1975

B. 2000

C. 1995

D. 1970

Câu 19: Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc thì dữ liệu được thể hiện trong các:

A. Cột (Field)

B. Hàng (Record)

C. Bảng (Table)

D. Báo cáo (Report)

Câu 20: Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

A. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ

B. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ

C. Phần mềm Microsoft Access

D. Phần mềm để giải các bài toán quản lý có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu

Câu 21: Thuật ngữ “quan hệ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

Câu 22: Thuật ngữ “bộ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

Câu 23: Thuật ngữ “thuộc tính” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

Câu 24: Thuật ngữ “miền” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

Câu 25: Trong hệ CSDL quan hệ, miền là:

A. Tập các kiểu dữ liệu trong Access

B. Kiểu dữ liệu của một bảng

C. Tập các thuộc tính trong một bảng

D. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

Câu 26: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai khi nói về miền?

A. Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau

B. Mỗi một thuộc tính có thể có hai miền trở lên

C. Hai thuộc tính khác nhau có thể cùng miền

D. Miền của thuộc tính họ tên thường là kiểu text

Câu 27: Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

A. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng

B. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp

C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng

D. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau

Câu 28: Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn - trả	
		Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO - 012	5 - 9 - 2007	30 - 9 - 2007
TV-04	TN - 103	12 - 9 - 2007	15 - 9 - 2007
TV-02	TN - 102	24 - 9 - 2007	5 - 10 - 2007
TV-01	TO - 012	12 - 10 - 2007	12 - 10 - 2007

Có các lí giải nào sau đây cho rằng bảng đó không phải là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

A. Tên các thuộc tính bằng chữ Việt

B. Không có thuộc tính tên người mượn

C. Có một cột thuộc tính là phức hợp

D. Số bản ghi quá ít.

Câu 29: Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO - 012	5 - 9 - 2007	30 - 9 - 2007
	TN - 103	22 - 10 - 2007	25 - 10 - 2007
TV-04	TN - 103	12 - 9 - 2007	15 - 9 - 2007
TV02	TN - 102	24 - 9 - 2007	5 - 10 - 2007
TV01	TO - 012	5 - 10 - 2007	

Bảng này không là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ, vì:

- A. Độ rộng các cột không bằng nhau
 B. Có hai bản ghi có cùng giá trị thuộc tính số thẻ là TV - 02
 C. Một thuộc tính có tính đa trị
 D. Có bản ghi chưa đủ các giá trị thuộc tính

Câu 30: Phần mềm nào sau đây không phải là hệ QT CSDL quan hệ?

- A. Visual Dbase, Microsoft SQL Server
 B. Oracle, Paradox
 C. OpenOffice, Linux
 D. Microsoft Access, Foxpro

Câu 31: Khẳng định nào là sai khi nói về khoá?

- A. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính trong bảng để phân biệt được các cá thể
 B. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể
 C. Khoá chỉ là một thuộc tính trong bảng được chọn làm khoá
 D. Khoá phải là các trường STT

Câu 32: Khi cần in dữ liệu theo một mẫu cho trước, cần sử dụng đối tượng:

- A. Báo cáo
 B. Bảng
 C. Mẫu hỏi
 D. Biểu mẫu

Câu 33: Để tạo một báo cáo, cần trả lời các câu hỏi gì?

- A. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào?
 B. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào? Tạo báo cáo bằng cách nào?
 C. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào? Hình thức báo cáo như thế nào?
 D. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo?

Câu 34: Để làm việc với báo cáo, chọn đối tượng nào trong bảng chọn đối tượng?

- A. Tables
 B. Forms
 C. Queries
 D. Reports

Câu 35: Để tạo nhanh một báo cáo, thường chọn cách nào trong các cách dưới đây:

- A. Người dùng tự thiết kế
 B. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo
 C. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo và sau đó sửa đổi thiết kế báo cáo được tạo ra ở bước trên
 D. Tất cả các trên đều sai

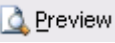
Câu 36: Đối tượng nào sau đây không thể cập nhật dữ liệu?

- A. Bảng, biểu mẫu
 B. Mẫu hỏi, báo cáo
 C. Báo cáo
 D. Bảng

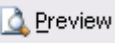
Câu 37: Giả sử bảng HOCSINH gồm có các trường MAHS, HOTEN, DIEM. LOP. Muốn hiển thị thông tin điểm cao nhất của mỗi lớp để sử dụng lâu dài, trong Access ta sử dụng đối tượng nào trong các đối tượng sau?

- A. Reports
 B. Queries
 C. Forms
 D. Tables

Câu 38: Khi muốn sửa đổi thiết kế báo cáo, ta chọn báo cáo rồi nhấp nút:

- A.  B.  C.  D. 

Câu 39: Khi báo cáo đang ở chế độ thiết kế, có thể nhấp nút nào để xem kết quả của báo cáo?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 40: Khi mở một báo cáo, nó được hiển thị dưới dạng nào?

- A. Chế độ thiết kế
 B. Chế độ trang dữ liệu
 C. Chế độ biểu mẫu
 D. Chế độ xem trước

d. Đáp án và thang điểm: 0,25 điểm/câu